

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2018/HS-ST

Ngày: 19 - 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Như Ý.

2. Bà: Hà Thị Vẽ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở TAND thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2017/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 04/01/2018 đối với các bị cáo:

1. *Bị cáo:* CAO VĂN T1; Sinh ngày: 30/7/1995, tại Quảng Bình. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: TDP P, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Đức T, sinh năm: 1962; nghề nghiệp: Thợ mộc và bà: Lê Thị B, sinh năm: 1961, nghề nghiệp: Thợ may; hiện ông, bà trú tại: TDP P, phường B, TP. Đ, Quảng Bình, gia đình có 05 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; có vợ: Lê Thị Minh T, sinh năm: 1996, nghề nghiệp: Thợ may; có 01 con sinh năm: 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị cáo:* LÊ ĐẠI T2; Sinh ngày: 10/8/1995, tại Quảng Bình. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang H, sinh năm: 1966, nghề nghiệp: Buôn bán và bà: Đào Thị D; sinh năm: 1960, nghề nghiệp: Buôn bán, hiện ông, bà trú tại: TDP x, phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình; gia đình có 03 anh em, T2 là con thứ 02 trong gia đình chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 03/01/2017 bị Công an thành phố Đ xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái

phép chất ma túy. Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Bà: Lê Thị Đ, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: TDP y, phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà: Trần Thị H, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: TDP M, phường B, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban đại diện Hội N tỉnh Quảng Bình. Ông Đinh Minh T - Trưởng ban Đại diện. Địa chỉ: Hội N tỉnh Quảng Bình, xã B, TP. Đ, Quảng Bình. Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh: Cao Đức T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: TDP P, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Anh: Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 10, xã L, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Bà: Đào Thị D, sinh năm: 1960. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở điều tra xác minh tin báo tố giác tội phạm của bà Lê Thị Đ, cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định: Khoảng 10 giờ 30 ngày 04/7/2017, Cao Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 73V3-XXXX (xe của mẹ T2 là bà Đào Thị D) chở Lê Đại T2 đến đoạn đường Lê Thành Đ thuộc TDP 5, phường H. Phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 73B1-yyy.yy của bà Lê Thị Đ để bên lề không có người trông giữ, chìa khóa gắn ở ổ khóa xe. T1 rủ T2 lấy trộm xe. T1 điều khiển xe đến gần chiếc xe, T2 đi bộ đến lấy trộm xe rồi cả hai cùng chạy đến gần nhà T1. T1 nói với T2 là khi nào bán được xe sẽ chia đôi tiền. T1 điều khiển xe mô tô BKS 73B1-yyy.yy về nhà, mở cốp xe thấy có 01 điện thoại di động Sam sung galaxy J2, 01 ví da bên trong có giấy đăng ký xe và một số giấy tờ của bà Đ. T1 lấy điện thoại sử dụng, chiếc ví da và một số giấy tờ T1 rút xuống hồ, không thu hồi được. Sau đó, T1 lấy giấy đăng ký xe và đem bán xe cho anh Cao Đức T lấy 8.000.000 đồng, T1 tiêu xài hết.

Kết luận định giá số 598/KL-ĐG ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: xe mô tô Honda Lead BKS 73B1-yyy.yy trị giá 10.000.000 đồng; điện thoại di động Samsung Galaxy J2 trị giá 2.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ và trả lại xe mô tô và điện thoại di động trên cho bà Lê Thị Đ. Bà Đ không có yêu cầu gì thêm. Anh Cao Đức T và T1 đã tự thỏa thuận bồi thường.

Quá trình điều tra, Cao Văn T1 khai nhận thêm trước đó đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể:

Vụ thứ 01: Khoảng 08 giờ ngày 30/12/2016, Cao Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX gắn BKS 73V1-ZZZZ (xe của T1) đi tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Trần Thị H phường B, phát hiện không có người ở nhà. T1 dùng tuốc nơ vít có sẵn trong xe cạy cửa sau, đi vào nhà lấy trộm 01 bộ máy tính để bàn hiệu Hasun và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar. T1 lấy điện thoại sử dụng, máy tính T1 đem bán cho anh Nguyễn Mạnh H chủ cửa hàng sửa chữa máy tính ở phường B lấy 1.500.000 đồng, tiêu xài hết. Anh H đã bán máy tính cho một người không rõ lai lịch, không thu giữ được.

Kết luận định giá số 598/KL-ĐG ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: bộ máy tính để bàn hiệu Hasun trị giá 7.000.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar trị giá 500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ 01 tuốc nơ vít của T1, thu giữ và trả lại điện thoại di động Mobistar cho bà Trần Thị H. T1 đã bồi thường cho bà H 7.000.000 đồng, bà H không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 02: Khoảng 11 giờ 00 ngày 07/5/2017, Cao Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX gắn BKS 73V1-ZZZZ chở Lê Đại T2 đi ngang qua trụ sở Hội N tỉnh Quảng Bình ở xã B. Phát hiện trụ sở không có người trông giữ, T1 rủ T2 trộm cắp tài sản. Cả hai đi bộ vào khuôn viên trụ sở, đến phòng đầu tiên bên trái tầng 1, T2 dùng đuôi gổ tre nhặt được trong khuôn viên đập vỡ kính cửa ra vào, đi vào lấy trộm 02 bộ máy vi tính, đưa ra ngoài cho T1 qua ô kính. T1 tiếp tục dùng đuôi gổ tre đập vỡ ô kính cửa ra vào phòng bên phải tầng 1 nhưng không thấy gì. Sau đó cả hai mang 02 bộ máy tính vừa trộm cắp được đem đến bán cho anh Nguyễn Mạnh H, chủ cửa hàng sửa chữa máy tính ở phường B lấy 1.200.000 đồng, cùng tiêu xài hết.

Kết luận định giá số 598/KL-ĐG ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: 02 bộ máy tính để bàn gồm: 02 màn hình máy tính hiệu LG và hiệu Samsung và 02 cây CPU máy tính màu đen, tổng trị giá 4.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX gắn BKS 73V1- ZZZZ (xác định biển kiểm soát trên là của 01 xe mô tô khác, số khung số máy không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng), thu giữ 01 đuôi gổ tre; thu giữ và trả lại 02 bộ máy vi tính để bàn trên cho Hội N tỉnh Quảng Bình. T1 và T2 đã bồi thường cho Hội N 1.000.000 đồng tiền sửa chữa ô cửa kính, bồi thường cho anh Nguyễn Mạnh H 1.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/THQCT-KSĐT-KT ngày 22 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố các bị cáo Cao Văn T1, Lê Đại T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát

biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng có xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Áp dụng khoản 1, Điều 138 BLHS 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015: xử phạt Cao Văn T1 từ 12 - 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 - 36 tháng.

Áp dụng khoản 1, Điều 138 BLHS 1999; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt Lê Đại T2 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ đề nghị không xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO LX và BKS 73V1-ZZZZ của Cao Văn T1; trả lại cho bà Đào Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 73V3-XXXX; tịch thu tiêu hủy 01 đùi gỗ tre và 01 tuốc nơ vít bằng kim loại.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo quen biết nhau từ trước hay chơi với nhau, rồi cùng cù rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có sự bàn bạc, tổ chức chặt chẽ. Các bị cáo đã nhận thấy sai phạm của mình tự nguyện khai báo, bồi thường thiệt hại và xin Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, lời khai nhận tội tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật thu giữ được. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài, từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017: Cao Văn T1 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác, trong đó một mình T1 thực hiện 01 vụ, thực hiện cùng Lê Đại T2 02 vụ, tổng trị giá chiếm đoạt được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá là 23.500.000 đồng. Lê Đại T2 cùng thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cùng với Cao Văn T1, tổng trị giá trị chiếm đoạt là 16.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS 1999; Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất đồng phạm, mức độ hậu quả, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo

thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo quen biết nhau trước rồi cù rũ nhau và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, không bị coi là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo đều là người thực hành tội phạm tích cực, cùng hưởng lợi bất chính, nhưng Cao Văn T1 phạm tội nhiều lần hơn giá trị tài sản chiếm đoạt lớn hơn T2, T1 là người tiêu thụ tài sản và hưởng lợi tài sản trong vụ trộm ngày 04/7/2017 nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và chịu hình phạt cao hơn T2.

Các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành có đầy đủ sức khỏe và văn hóa để nhận thức pháp luật, nhưng không chịu rèn luyện bản thân, không chịu khó làm ăn, chây lười lao động thích ăn chơi, háms lợi cá nhân nên đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố Đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội: Đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng và bất bình trong dư luận nhân dân; làm mất ổn định an ninh trật tự của xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh bằng pháp luật hình sự và cần phải áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện, bị phát hiện, điều tra truy tố trước 0 giờ ngày 01/01/2018, các quy định của Bộ luật hình sự 2015 về hình phạt, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ không có gì khác (không có lợi cho các bị cáo) căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án áp dụng các quy định của BLHS 1999 khi xét xử mà không áp dụng quy định của BLHS 2015 như đề nghị của Viện kiểm sát.

Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại đoạn 1 điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khi nghị án HĐXX cũng xem xét các bị cáo tuổi đời còn trẻ, đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại có đơn xin bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; khi bị phát hiện vụ trộm ngày 04/7/2017 bị cáo T1 đã tự giác khai nhận các vụ trộm đã thực hiện trước đó mà chưa ai biết, được coi là tự thú. Cao Văn T1 hoàn cảnh gia đình có khó khăn, là lao động chính nuôi con còn nhỏ, bị cáo T2 có mẹ là cựu chiến binh được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen, Ban liên lạc toàn quốc Bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn, nên cần áp dụng các điểm b, h, p (áp dụng thêm điểm o cho bị cáo T1) khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, gia đình cam kết cùng chính quyền địa phương quản lý giáo dục bị cáo, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 60 của BLHS cho bị cáo T1 được hưởng án treo, áp dụng Điều 31 BLHS phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T2, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo

dục; tạo điều kiện cho các bị cáo vừa cải tạo vừa được tham gia lao động là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta mà tích cực cải tạo tốt trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và gia đình. Bị cáo Lê Đại T2 không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về nhiệm vụ, thẩm quyền, trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự 2003 quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ giá trị tài sản chưa được thu giữ cho người bị hại, hoàn trả tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các vật chứng đã thu giữ cho chủ sở hữu tài sản trong quá trình điều tra theo quy định của pháp luật.

Vật chứng hiện đang thu giữ: Xét 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO LX gắn BKS 73V1-ZZZZ của Cao Văn T1 (xác định biên kiểm soát là của 01 xe mô tô khác, số khung số máy không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng) đã dùng làm phương tiện để đi Trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 73V3-XXXX là tài sản của bà Đào Thị D giao cho Lê Đại T2 sử dụng, T2 sử dụng vào việc Trộm cắp tài sản bà D không biết nên bà D không phạm tội và không bị tịch thu, trả lại cho bà Đào Thị D; 01 đôi giày da và 01 túi xách tay bằng kim loại là công cụ T1 và T2 dùng vào việc phạm tội không có giá trị; 01 BKS 73V1-ZZZZ là của phương tiện khác không phải là BKS của mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO LX không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 41 BLHS và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Cao Văn T1, Lê Đại T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 và 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999;

Xử phạt: Cao Văn T1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/01/2018).

Giao bị cáo Cao Văn Thuận cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 31 của Bộ luật Hình sự 1999;

Xử phạt: Lê Đại T2 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Đại T2 cho UBND phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Đại T2.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO LX số máy: 5P11023729, số khung RLCN5P1108Y023729 của Cao Văn T1.

- Trả lại cho bà Đào Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 73V3-XXXX.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đui gỗ tre và 01 tuốc nơ vít bằng kim loại và 01 BKS xe mô tô 73V1-ZZZZ.

Toàn bộ vật chứng đã được Cơ quan Điều tra Công an thành phố Đồng Hới chuyển giao cho Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới và có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2017.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử buộc Cao Văn T1, Lê Đại T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- THA dân sự thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, lưu án.

(đã ký)

Lê Hồng Sơn

